

bacon

培根 péi gēn  
/熏肉 xūn ròu

beef

牛肉 niú ròu

cabbage

卷心菜 juǎn xīn cài

carrot

胡萝卜 hú luó bo

celery

芹菜 qín cài

chicken

鸡肉 jī ròu

corn

玉米 yù mǐ

crab

螃蟹 páng xiè

cucumber

黄瓜 huáng guā, 黄瓜

duck

鸭肉 yā ròu

egg

鸡蛋 jī dàn

eggplant

茄子 qié zi

fish

鱼 yú

lamb meat

羊肉 yáng ròu

lettuce

生菜 shēng cài

lobster

龙虾 lóng xiā

mashroom

蘑菇 mó gu

napa

大白菜 dà bái cài

onion

洋葱 yáng cōng

pepper

辣椒 là jiāo

pork

猪肉 zhū ròu

pork rib

排骨 pái gǔ

potato

土豆 tǔ dòu

pumpkin

南瓜 nán guā

sausage

香肠 xiāng cháng

shrimp

虾 xiā

snow pea

豌豆 wān dòu

spinach

菠菜 bō cài

tomato

西红柿 xī hóng shì

turkey

火鸡肉 huǒ jī ròu